TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi;
2. Ông Nguyễn Văn Tư;

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Trong ngày 17/6/2016, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2019/TLST - HNGĐ ngày 20/02/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thu H, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Số 27, ngõ 219A, đường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39, đường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/01/2019, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa,nguyên đơn là chị Lê Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Quốc Đ kết hôn ngày 13/4/2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn,nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, không có tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10/2016 đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân gia đình hai bên có hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Trần Gia H, sinh 29/10/2009, hiện cháu H đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con

chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.Nghề nghiệp của chị là kinh doanh,thu nhập khoảng 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có gì liên quan về tài sản nên không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019 cháu Trần Gia H trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Lê Thu H khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản làm việc ngày 01/4/2019, bà Vũ Thị C là mẹ đẻ anh Trần Quốc Đ cung cấp: Anh Trần Quốc Đ là con đẻ của bà C. Hiện nay anh Đ đang ở cùng bà C tại địa chỉ số nhà số 39, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Bà C đã giao lại thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các giấy báo của Tòa án cho anh Đ. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh Đ không có ý kiến gì. Năm 2009, anh Đ kết hôn với chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng H – Đ về sinh sống với gia đình bà C. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như sinh hoạt, vợ chồng H Đ đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, chị H đã bỏ nhà mẹ đẻ ở được khoảng 03 năm. Bà C đã khuyên giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vợ chồng H – Đ có một con chung là Trần Gia H hiện đang ở cùng chị H.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp công khai chứng cứ và các buổi hòa giải tại Tòa án vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 20/5/2019, Tòa án tiến hành mở phiên tòa nhưng do anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên toà ngày 17/6/2019:

Chị H giữ nguyên yêu cầu, quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử :

+ Cho chị Lê Thu H được ly hôn anh Trần Quốc Đ

+ Giao cho chị Lê Thu H trực tiếp nuôi con chung là Trần Gia H, sinh 29/10/2009. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

+ Chị Lê Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quốc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Trần Quốc Đ.

[2] Về yêu cầu ly hôn nguyên đơn: Chị Lê Thu H và anh Trần Quốc Đ kết hôn ngày 13/4/2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, được UBND phường L cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo Chị H trình bày do vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, không có tình cảm nên đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ khoảng tháng 10/2016 đến nay. Bà Vũ Thị Cúc là mẹ đẻ anh Trần Quốc Đ cũng xác định anh Đ và Chị H có mâu thuẫn, đã sống ly thân khoảng 03 năm, đã được gia đình hòa giải khuyên can nhưng không có kết quả. Như vậy, Chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc Chị H xin ly hôn anh Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có một con chung, hiện con chung đang ở cùng với Chị H. Khi ly hôn Chị H đề nghị được nuôi con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Do vậy, để con chung có cuộc sống ổn định, đảm bảo về mọi mặt cần giao con chung cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình

[4]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thu H không yêu cầu anh Trần Quốc Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét

[6] Về công nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Đối với anh Trần Quốc Đ, quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần báo anh Đ đến Tòa án làm việc nhưng anh Đ không đến. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu anh Đ cung cấp tài liệu chứng cứ, văn bản thể hiện quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của Chị H nhưng anh Đ không cung cấp do vậy Tòa án không có căn cứ xem xét, giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu về nuôi con, về cấp dưỡng, về tài sản chung anh Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[8]Về án phí: Chị Lê Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu H được ly hôn anh Trần Quốc Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng , chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Gia H, sinh 29/10/2009. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Gia H không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thu H phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2016/0000251 ngày 20/02/2019. Xác nhận Chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quốc Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;.
- VKSND Tp B;.
- CCTHADS Tp B;
- UBND phường L; .
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận **:**
- VKSND TP Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP